

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUY KỲ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Quy Kỳ, ngày tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Ban quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới xã Quy Kỳ thực hiện Bộ tiêu chí về xã Nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 – 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUY KỲ

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg, ngày 10/11/2017 về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT, ngày 01/3/2017 thông tư hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 5837/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Định Hóa phê duyệt Đề án xây dựng NTM xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Công chức phụ trách xây dựng nông thôn mới xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Ban Quản lý Chương trình xây dựng Nông thôn mới xã Quy Kỳ thực hiện Bộ tiêu chí về xã Nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 – 2025, gồm các ông, bà có tên sau:

(có tên trong danh sách kèm theo)

Điều 2. Ban Quản lý Chương trình xây dựng Nông thôn mới xã có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- BQL xã trực thuộc UBND xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản và sử dụng con dấu của UBND xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

- BQL xã là chủ đầu tư các dự án, nội dung xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Tổ chức xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch tổng thể và kế hoạch đầu tư hàng năm xây dựng NTM của xã, lấy ý kiến của cộng đồng dân cư trong toàn xã và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức và tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện, giám sát các hoạt động thực thi các dự án đầu tư trên địa bàn xã.

- Quản lý và triển khai thực hiện các dự án, nội dung bao gồm việc thực hiện các bước từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu bàn giao và đưa dự án vào khai thác, sử dụng.

- Được ký các hợp đồng kinh tế với các đơn vị có tư cách pháp nhân, cộng đồng hoặc cá nhân cung cấp hàng hoá, xây lắp và dịch vụ để thực hiện các công trình, dự án đầu tư.

Điều 3. Văn phòng - Thống kê xã, công chức phụ trách NTM xã, các thành viên BQL Chương trình XDNTM xã; các cơ quan, ban ngành, đoàn thể xã có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- BTV Đảng ủy;
- TT HĐND, UBND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: Vp.

CHỦ TỊCH

Luân Đức Quỳnh

DANH SÁCH

**Ban quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới xã Quy Kỳ thực hiện
Bộ tiêu chí về xã Nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 – 2025**
(Kèm Quyết định số /QĐ – UBND ngày /02/2024 của UBND xã Quy Kỳ)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh BQLNTM
1	Luân Đức Quỳnh	Chủ tịch UBND xã	Trưởng ban
2	Hoàng Từ Điền	Phó Chủ tịch UBND xã	Phó ban
3	Lường Thị Kim Doanh	Công chức phụ trách NTM	Thư ký
4	Nguyễn Xuân Hoàng	Phó Chủ tịch HĐND xã	Ủy viên
5	Trần Thị Viện	Chủ tịch UB MTTQ	Ủy viên
6	Lãnh đạo Công an xã		Ủy viên
7	Lãnh đạo Ban chỉ huy Quân sự xã		Ủy viên
8	Đỗ Văn Hoàng	Công chức Văn hóa – Xã hội	Ủy viên
9	Luân Đức Tú	Công chức Văn hoá – Xã Hội	Ủy viên
10	Mạc Sỹ Hưng	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Ủy viên
11	Vi Văn Điền	Công chức Tài chính – Kế toán	Ủy viên
12	Hà Thị Hoa	Chủ tịch Hội Nông dân	Ủy viên
13	Ma Văn Nghị	Chủ tịch Hội CCB	Ủy viên
14	Hà Văn Bắc	Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên
15	Lý Thị Hội	Chủ tịch Hội phụ nữ	Ủy viên
16	Phan Thị Linh	Công chức Văn phòng – Thống kê	Ủy viên
17	Phan Trung Kiên	Công chức Tài chính- Kế toán	Ủy viên
18	Hoàng Văn Việt	Công chức Địa chính - Xây dựng	Ủy viên
19	Lôi Đình Thiên	Cán bộ Trạm Y tế	Ủy viên

20	Trần Thị Định	Cán bộ Trạm Y tế	Ủy viên
21	Ngô Thị Hồng	HT Trường THCS Quy Kỳ	Ủy viên
22	Ma Thị Hồng Yến	HT Trường Tiểu học Quy Kỳ	Ủy viên
23	Trương Thị Kim Thoa	HT Trường Mầm Non	Ủy viên
24	Tổng Thị Hải Yến	Viên chức khuyến nông	Ủy viên
25	Nông Thanh Tuân	Cán bộ Đài phát thanh xã	Ủy viên
26	Quán Văn Lâm	Cán bộ Thú y xã	Ủy viên
27	Lưu Viết Quang	Cán bộ Lao động và trẻ em	Ủy viên
28	Hoàng Trọng Huy	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	Ủy viên
29	Hoàng Thị Vân Anh	Cán bộ Văn phòng Đảng ủy xã	Ủy viên
30	Trần Văn Đức	Phó Ban lâm nghiệp	Ủy viên
31	Trần Văn Nghị	Phó Chủ tịch UBMTQ xã	Ủy viên
32	Hoàng Thị Chiên	Chủ tịch Hội khuyến học	Ủy viên
33	Các ông, bà Trưởng xóm		Ủy viên

PHÂN CÔNG

Nhiệm vụ cụ thể các thành viên Ban quản lý Chương trình xây dựng NTM xã Quy Kỳ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2024 của UBND xã Quy Kỳ)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Thành viên BQL phụ trách các tiêu chí chỉ tiêu và tiêu chí NTM	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn		Đ/c Hoàng Văn Việt - Công chức Địa chính - Xây dựng; đ/c Phan Trung Kiên - Công chức Tài chính - Kế toán	Đ/c Hoàng Văn Việt - Tổ trưởng
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		Đ/c Hoàng Văn Việt - Công chức Địa chính - Xây dựng; đ/c Phan Trung Kiên - Công chức Tài chính - Kế toán	Đ/c Hoàng Văn Việt - Tổ trưởng
		2.2. Tỷ lệ đường trục xóm và đường liên xóm ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm			
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm			
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm			
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động		Đ/c Hoàng Trọng Huy - Phó Chủ tịch Hội Nông dân	Lãnh đạo BCHQS xã - Tổ trưởng
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ		Lãnh đạo BCHQS xã	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đ/c Vi Văn Điền - Công chức Kế toán - Tài chính	
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn			
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ	Có hơn 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu ($\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)		Đ/c Ngô Thị Hồng - Hiệu Trưởng

		thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Có từ 3 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu ($\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)	Đ/c Ngô Thị Hồng - Hiệu trưởng Trường THCS; đ/c Ma Thị Hồng Yên - Hiệu trưởng Trường Tiểu học; đ/c Trương Thị Kim Thoa - Hiệu trưởng Trường Mầm Non	Trường THCS - Tổ trưởng
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đ/c Luân Đức Tú - Công chức Văn hóa - Xã hội	
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định			
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng			
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đ/c Phan Trung Kiên - Công chức Tài chính - Kế toán	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Đ/c Nông Thanh Tuấn - Cán bộ Đài phát thanh	Đ/c Nông Thanh Tuấn - Cán bộ Đài phát thanh - Tổ trưởng
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet			
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn			
			'Tỷ lệ máy tính/tổng số cán bộ, công chức của xã	Đ/c Luân Đức Tú - Công chức Văn hóa - Xã hội	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước; Hệ thống một cửa điện tử; Cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Đ/c Phan Thị Linh - Công chức Văn phòng - Thống kê	
	'Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã.	Đ/c Mạc Sỹ Hưng - Công chức Tư pháp - Hộ tịch			

9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Đ/c Trần Thị Viện - Chủ tịch UBMTTQ xã; đ/c Trần Văn Nghị - Phó CTUBMTQ xã; đ/c Đỗ Văn Hoàng - Công chức Văn hóa - xã hội	Đ/c Trần Thị Viện - Chủ tịch UBMTTQ - Tổ trưởng
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	Đối với xã khu vực III		
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2022	Đ/c Phan Thị Linh - Công chức Văn phòng - Thống kê	
			Năm 2023		
			Năm 2024		
			Năm 2025		
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		Đ/c Đỗ Văn Hoàng - Công chức Văn hóa - Xã hội	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		Đ/c Lưu Viết Quang - Cán bộ Lao động và trẻ em	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)			
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã		Đ/c Hà Thị Hoa - Chủ tịch Hội Nông dân	Đ/c Hà Thị Hoa - Chủ tịch Hội Nông dân - Tổ trưởng
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững			
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương		Đ/c Tống Thị Hải Yến - Viên chức Khuyến Nông	
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường			
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả			
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đ/c Trương Thị Kim Thoa - Hiệu trưởng Trường Mầm Non	Đ/c Ngô Thị Hồng - Hiệu Trưởng Trường THCS - Tổ trưởng
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đ/c Ma Thị Hồng Yến - HT Trường Tiểu học	

			Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	Đ/c Trương Thị Kim Thoa - Hiệu trưởng Trường Mầm Non	
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Đ/c Ngô Thị Hồng - Hiệu Trưởng Trường THCS	
			Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đ/c Ngô Thị Hồng - Hiệu Trưởng Trường THCS; đ/c Ma Thị Hồng Yến - Hiệu trưởng Trường Tiểu học; đ/c Trương Thị Kim Thoa - Hiệu trưởng Trường Mầm Non	
			Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá, xếp loại	Đ/c Hoàng Thị Chiên - Chủ tịch Hội khuyến học xã	
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng cho cả nam và nữ) tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)		Đ/c Ngô Thị Hồng - Hiệu Trưởng Trường THCS	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		Đ/c Lôi Đình Thiên - Cán bộ phụ trách Trạm Y tế và đ/c Trần Thị Định - Cán bộ Trạm Y tế	Đ/c Lôi Đình Thiên - Cán bộ phụ trách Trạm y tế - Tổ trưởng
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế			
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)			
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử			
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định	Đ/c Luân Đức Tú - Công chức Văn hóa - Xã hội	Đ/c Luân Đức Tú - Công chức Văn hóa - Xã hội
			Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới		
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã không thuộc khu vực III	Đ/c Lưu Viết Quang - Cán bộ Lao động và trẻ em	Đ/c Đỗ Văn Hoàng - Công chức Văn hóa - xã hội
			Xã khu vực III		

		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Đ/c Quán Văn Lâm - Cán bộ Thú y	
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đ/c Lý Thị Hội - Chủ tịch Hội phụ nữ	
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	Đ/c Trần Văn Đức - Phó Ban lâm nghiệp xã	
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đ/c Hà Văn Bắc - Bí thư Đoàn Thanh niên	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	Đ/c Đỗ Văn Hoàng - Công chức Văn hóa - xã hội	
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đ/c Lý Thị Hội - Chủ tịch Hội phụ nữ	
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch		
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	Đ/c Quán Văn Lâm - Cán bộ Thú y	
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	Đ/c Lôi Đình Thiên và đ/c Trần Thị Định - Cán bộ Trạm Y tế	
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	Đ/c Ma Văn Nghị - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định		
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đ/c Phan Thị Linh - Công chức Văn phòng - Thống kê	
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đ/c Hoàng Thị Vân Anh - Cán bộ Văn phòng - Đảng ủy	Đ/c Mạc Sỹ Hưng - Công chức

		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đ/c Trần Thị Viện - Chủ tịch UBMTTQ xã; đ/c Hà Thị Hoa - Chủ tịch HND; đ/c Lý Thị Hội - Chủ tịch Hội PN; đ/c Hà Văn Bắc - BT Đoàn Thanh niên	Tư pháp - Hộ tịch - Tổ trưởng
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đ/c Mạc Sỹ Hưng - Công chức Tư pháp - Hộ tịch	
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đ/c Lý Thị Hội - Chủ tịch Hội PN; đ/c Lưu Việt Quang - Cán bộ LĐ&TE	
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đ/c Lương Thị Kim Doanh - Công chức Văn phòng - Thống kê	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Lãnh đạo Ban CHQS xã	Trưởng Công an xã - Tổ trưởng
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Trưởng Công an xã	